

nhau, xu thế làm nên vậy”⁽¹⁾. Chương Học Thành đã khảo sát lịch sử sử học Trung Quốc, đạt đến kết luận “tường cận lược viễn, tự ngàn xưa như vậy”⁽²⁾ hơn thế còn nhấn mạnh các nhà viết sử địa phương cũng cần “tường cận lược viễn”. Cung Tự Trân nói: “Việc đời nay phức tạp hơn việc đời xưa, do đó sử đời nay giàu có hơn sử cổ”⁽³⁾. Điều đó chẳng phải cũng có tác dụng nhắc nhở đối với những kẻ lăm le kiếm chác từ các bộ sử cận hiện đại do người xưa viết mà khinh rẻ các bộ sử cận hiện đại do người nay viết hay sao?

1.3. Yêu nước

Lương Khải Siêu từng nói: “Sử học là ngọn nguồn của lòng yêu nước”. Yêu nước đúng là một trong những truyền thống tốt đẹp của sử học Trung Hoa. Mà duy trì sự thống nhất, kinh bang tế quốc, chính là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước của các sử gia cổ đại.

Khổng Tử viết Xuân thu, một trong những tôn chỉ là “Tôn Chu nhường Di” (đề cao nhà Chu, đánh đuổi bọn ngoại tộc), “Nội chư Hạ nhi ngoại Di Địch” (bên trong là các tộc Hoa Hạ, bên ngoài là bọn Di Địch), như vậy là có tư tưởng “đại nhất thống”.

Tư tưởng “đại nhất thống” của Xuân thu có ảnh hưởng sâu sắc đến sử học Trung Hoa, đồng thời đã tạo nên cơ sở tư tưởng vững chắc cho việc hình thành một quốc gia thống nhất của nhiều dân tộc Trung Hoa. Các bộ Thể bản mà sử

⁽¹⁾ *Chương thị di thư.*

⁽²⁾ *Cung Tự Trân toàn tập.*

⁽³⁾ *Tân sử học. Trung Quốc dịch cụ sử.*

quan từ đầu Tây Chu đến thời Chiến quốc kế tiếp làm ra cùng với *Sử kí* của Tư Mã Thiên đều cho rằng sử Trung Hoa bắt đầu từ Hoàng đế, đó là sự phản ánh của quan điểm lịch sử đại nhất thống. Thiên tử ba đời, chư hầu liệt quốc, khi tìm về cội nguồn đều nói đến Hoàng đế. Hoàng đế là tổ tiên của dân tộc Trung Hoa, con cháu của Viêm Hoàng không thể quên tổ tiên, quan niệm này đã đặt nền móng của *Thế bản và Sử kí*.

Tư Mã Thiên không những đã tán dương công lao thống nhất thiên hạ của Tần Thuỷ Hoàng, có thể sánh với Thang (Thương), Vũ (Chu) mà Nho gia tôn sùng, hơn thế còn chú tâm ca ngợi các “minh chúa, hiền quân, trung thần, nghĩa sĩ” đã cống hiến cho sự nghiệp nhất thống bốn biển của vương triều Tây Hán. Ban Cố viết *Hán thư* đã miêu tả nổi bật sự cường thịnh chưa từng có của Tây Hán. Đỗ Hựu từng tán dương: “Hán, Tuỳ, Đại Đường, bốn bể thống nhất, nhà nhà đông đúc, ba đời sum họp”⁽¹⁾. Tư Mã Quang coi lịch sử các dân tộc Trung Hoa là nhất thể, *Tư trị thông giám* đã thành công trong việc vẽ nên một bức tranh nước Trung Hoa rộng lớn, nhiều dân tộc. Củng Tự Trân viết *Thanh hội điển, Lí phiên viện*, tự vẽ bản đồ Thanh Hải, Tây Tạng, còn soạn sách *Tây Vực trí hành tỉnh nghị* và *Mông Cổ đồ chí*. Sách *Kim phương ngôn* của ông sắp xếp Mãn Châu đầu tiên rồi đến 18 tỉnh, vừa thể hiện sự nghiệp nhất thống của nhà Minh, Thanh vừa nói rõ ông có nhận thức trác việt rằng lịch sử Trung Quốc là do các dân tộc cùng sáng tạo nên. Luôn luôn hô hào

⁽¹⁾ *Thông điển*, quyển 31.

đại nhất thống, đó là sự biểu hiện của tinh thần yêu nước cao độ của họ.

Thời Bắc Ngụy, Lí Đạo Nguyên sống trong thời đất nước chia cắt nhưng vẫn coi Trung Quốc là nhất thể, trong *Thủy kinh chú* ông viết về sông núi cả Nam lẫn Bắc. Đầu đời Đường, Lệnh Cô Đức Phần viết *Chu thư*, Lí Diên Thọ viết *Nam sử*, *Bắc sử*, Phòng Huyền Linh soạn *Tấn thư* đều không hề nhấn mạnh đối lập Nam Bắc, phân biệt Hoa Di, nhắc đến sử học tất cả các vương quốc, cố gắng đạt đến sự công bằng, phản ánh được xu thế khách quan của sự phát triển lịch sử là quy luật về nhất thống.

Sử gia cổ đại Trung Quốc không hiếm kẻ kinh bang tế thế, coi việc thiên hạ là trách nhiệm của mình. Khi mà nước nhà vững mạnh, giới học thuật đời Thanh bị bao phủ bởi không khí ngột ngạt phiền phức của chủ trương “chuyên tâm khảo cứu” của các nhà khảo cứu, “không đàm tính thiên” của các nhà Lí học, thì Chương Học Thành đã coi nhiệm vụ của mình là sửa cái sai, bỏ cái thiên lệch “bất chấp người đời thích hay ghét”. Ông hô hào “Lục kinh đều là sử” “học vấn kinh thế” (học vấn phải giúp việc cho đời). Khi mà nước nhà từ thịnh đến suy, Đỗ Hựu đời Đường chủ trương cải cách, hô hào “tuỳ thời mà lập chế độ, gặp khó thì biến cải cho thông, không nhất thiết phải rập khuôn (người xưa), gặp trắc trở thì làm lại”⁽¹⁾. Ông không chỉ đề cao những người hiến thân cho sự nghiệp cải cách như Thái Công thời Tây Chu, Quán Trọng nước Tề, Lí Li nước Ngụy, Thương Ưởng nước Tần, Tô Trác Bắc Chu, Cao Anh triều Tùy... mà còn phê bình thích đáng

⁽¹⁾ *Thông điển*, quyển 10.

phép đánh thuế do Dương Viêm thi hành – một trong những việc cải cách chế độ thuế khoá đương thời, gọi nó là: “đó quả thật là một điển chế hợp thời, một ý đồ tốt sửa được tệ hại”⁽¹⁾. Ông còn tham gia tích cực vào công việc cải cách của Vương Thúc Văn, chống nạn cát cứ phiên trấn, phản đối phân phong, tán thành chế độ quận huyện. Khi thiên hạ phân liệt, sử quan nhà Hậu Tấn soạn *Đường thư*, chỉ trích nạn phiên trấn, như chỉ trích Lí Bảo Thần là “đã truyền nọc độc vào Trung Nguyên”, chỉ trích Vương Vũ Tuấn là “thấy lợi quên nghĩa, ăn sống nuốt tươi, kéo dài hai trăm năm, ô hô, ai tai!”⁽²⁾. Tình cảm lo cho thời thế, quan tâm đến dân, có thể qua đây mà thấy được. Khi quân Kim đánh về Nam, Hồng Hạo (Nam Tống) phụng mệnh đi sứ nước Kim, bị giữ lại 15 năm trời, chịu mọi cực hình nhưng không làm nhục nước, Tô Vũ cũng không hơn⁽³⁾. Con ông là Hồng Thích, Hồng Mai cũng đều là các sử gia yêu nước chủ trương chống Kim nổi tiếng. Thời Nam Tống, Viên Khu Tố có “tám lòng yêu vua và lo cho nước, căm phẫn thói đời gian tà”⁽⁴⁾. Ông chủ trương phải tự cường mà phòng ngự, chống lại kế sách “Thoái bảo” (rút lui để giữ nước): bỏ sông Hoài giữ Trường Giang. Trong sách *Thông giám kỉ sự bản mạt* có các thiên nói về việc khôi phục như *Giang tả kinh lược Trung Nguyên*, *Tống văn đồ khôi phục*, *Tống Minh đế bắc phạt*, trong đó gửi gắm chí khí yêu nước thu phục Trung Nguyên của ông. Khi mà triều đình cuối Minh cực kì thối nát: Hoàng Tông Hy, Cố Viêm Võ,

(1) *Thông điển*, quyển 7.

(2) *Cựu Đường Thư*. Lí Bảo Thần truyện luận.

(3) *Tống sử*. Hồng Hạo truyện.

(4) *Châu Văn Trung công văn tập*.

Vương Phu Chi... đã quan tâm đến thời cuộc, tìm tòi cách thức giúp đời, yêu cầu cải cách nền chính trị Minh triều. Khi quân Thanh thám sát vùng Trung Nguyên và Giang Nam, họ xếp bút nghiên đầu quân, cử nghĩa binh quyết chiến, thể hiện nhiệt tình yêu nước nóng bỏng. Khi cuộc vận động “chống Thanh khôi phục nhà Minh” thất bại, họ đua nhau lao vào hoạt động học thuật, đề xướng “thực học”, nhấn mạnh “nhiệm vụ thời nay”, “chiến lược kinh bang tế thế”, cất lên lời ca “thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách”, rằng văn chương “phải có ích cho thiên hạ, có ích cho tương lai”. Qua việc nghiên cứu lịch sử họ tìm kiếm con đường phát triển xã hội, tổng kết phương pháp giải quyết mâu thuẫn xã hội. Những tác phẩm tiêu biểu của họ đã trình bày tương đối có hệ thống quan điểm về quốc gia, dân tộc, đả kích nền quân chủ chuyên chế, chống lại sự chinh phục và áp bức dân tộc, thể hiện một tư tưởng yêu nước mạnh mẽ. Hoàng Tông Hy, Cố Viêm Võ đã nhiều lần từ chối lời mời của sử quan triều Minh, Vương Phu Chi để tóc dài để tỏ chí hướng, ẩn cư viết sách, thà chết không ra làm quan với nhà Thanh, còn Vạn Tư Đồng thì mặc áo vải tham gia công việc giới sử học, nhưng không nhận hàm, không nhận lộc, ra sức hoàn thành Minh sử cáo, kí thác với nỗi niềm cố quốc, giữ được khí tiết dân tộc cao cả. Khi nội ngoại loạn lạc, dân tộc lâm vào tình thế hiểm nguy, Cung Tự Trân đã chỉ ra rằng, Thanh triều đang ở vào tình thế “người và súc vật đều đau khổ, quỷ thần cũng muốn biến đổi”⁽¹⁾ – một “suy thế”. Ông đề xuất các phương án để

⁽¹⁾ *Cung Tự Trân toàn tập*. Bình quân. Ất binh chi tế trước nghị đệ cửu Nông Tổng Thượng học sĩ thư.

cứu xã hội lâm nguy, lại đề xuất “tự cổ đến kim, chưa có” pháp “nào không thay đổi”, chủ trương cái gọi là “canh pháp” (thay đổi cương lĩnh xã hội).

Các sử gia nói trên đã nỗ lực vì nước bằng hành động yêu nước và trí thức sâu rộng, phong độ và tiết tháo của họ muôn đời được chiêm ngưỡng.

1.4. Nói thẳng (trực thư)

Truyền thống nói thẳng, viết thẳng của sử học cổ đại Trung Quốc được truyền từ đời này sang đời khác.

Thái sử nhà Chu là Dật kiên trì chủ trương: “vua nói gì sử sách ghi lại” (ngôn tắc sử chi thư)⁽¹⁾. Thái sử đời Tấn là Đồng Hồ đã không run sợ trước uy quyền mà viết: “Triệu Thuần giết vua của mình”⁽²⁾. Hai anh em quan thái sử nước Tề, người trước bị chém, người sau vẫn tiếp tục viết “Thôi Trữ giết vua của mình”⁽³⁾. Tinh thần không uốn cong ngòi bút, uy vũ bất năng khuất ấy được lưu truyền rộng rãi. Tả Khâu Minh thẳng thắn vạch rõ nội loạn liên miên trong vương thất nhà Chu, ca ngợi Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công xưng bá, không nướn tiếc sự phá bỏ trật tự cũ của nước Lỗ, nước Tề, nước Tấn, nhiệt tình ca ngợi sự đổi mới của Quý thị nước Lỗ, Điền thị nước Tề và Tam khanh nước Tấn, còn ghi chép cả cuộc bạo động chống đối của nhân dân dưới ách áp bức nặng nề.

⁽¹⁾ *Sử kí Tấn thế gia*. Tả truyện Trang công nhị thập tam niên. Quốc ngữ. Lỗ ngữ thượng.

⁽²⁾, ⁽³⁾ *Tả truyện*.

Tư Mã Thiên phản đối “khen ai thì khen quá sự thật, chê ai thì nói quá lời”(1). Sách *Sử kí* của ông nổi tiếng vì “thực lục”, không tô vẽ, không giấu diếm, viết thẳng sự thật(2). Không vì Lưu Bang là vua sáng nghiệp mà ông che giấu bộ mặt vô lại (thời trẻ – ND). Cũng không vì Lữ Hậu là vua đàn bà mà che giấu sự thật là “thiên hạ yên ổn, hình phạt ít áp dụng, tội nhân hiếm. Dân lo cày cấy, ăn mặc đầy đủ”(3). Không vì “Văn Cảnh thịnh trị” mà không nói các cuộc nổi loạn thời ấy. Cũng không vì Hán Vũ đế thích ca tụng công đức, mê tín phong thiên mà không khẳng định công lao trị nước và đánh dẹp của ông ta. Tinh thần “thực lục” đó là thước đo giá trị một bộ sử, cũng là sự kiểm nghiệm thái độ soạn sử của một sử gia, nó được các nhà làm sử xưa nay tán thưởng. Ban Cố viết *Hán thư* cũng kiên trì nói thẳng, vạch trần sự tham lam và giả dối của một bọn dựa vào dòng dõi nhà nho mà chiếm giữ địa vị tể tướng như Công Tôn Hoảng, Khuông Hoàn, Trương Vũ... vạch trần vương hầu ngoại thích kiêu sa dâm dật, vô đạo, hung dữ tàn bạo, vạch trần sự kiêm tính ruộng đất thời Tây Hán “kẻ giàu ruộng đất mệnh mông nghìn thửa, kẻ nghèo không tác đất cắm dùi”. Thậm chí đến cả thời “Văn Cảnh thịnh trị” ông cũng vạch ra các tệ hại không bỏ sót.

Tôn Thịnh đời Đông Tấn viết *Tấn dương thư*, không sợ nguy hiểm tru di, truyền lại cho đời sau bộ mặt thật của Mộ Dung. Phạm Hoa viết *Hậu Hán thư*, qua các thiên liệt truyện

(1) *Trọng Ni đệ tử liệt truyện*.

(2) *Hán thư*. Tư Mã Thiên truyện.

(3) *Sử kí*. Lữ thái hậu bản kỉ.

và luận tán về Vương Sung, Vương Phù, Trọng Trường Thống... về hoạn quan, đảng cố, đã vạch trần tội ác cướp bóc nhân dân, xa xỉ hưởng lạc, phê bình nghiêm khắc chế độ chuyên chế Đông Hán, tỏ lòng đồng tình với lãnh tụ của thái học sinh Lí Dung, Trần Phiên. Dương Huyền Chi đời Bắc Ngụy viết *Lạc Dương già lam kí* miêu tả tỉ mỉ hành vi đồi bại của vương hầu khanh tướng đã làm giàu nhờ bóc lột vợ vét nhân dân rồi xây dựng chùa chiền xa xỉ dâm dật.

Trong sách *Thuận Tông thực lục*, Hàn Dũ đã vạch trần âm mưu lợi dụng chế độ cung thị (mua bán cung đình - ND) mà vợ vét của dân, của bọn hoạn quan. *Trong Tư trị thông giám*, Tư Mã Quang đã vạch trần những hành vi ô uế và bạo ngược của vua chúa, khẳng định kỉ luật nghiêm minh của khởi nghĩa nông dân nhất là của Xích Mi và Hoàng Sào. Quả nhiên Viên Thế Chi đã cự tuyệt lời mời sửa chữa bài truyện về ông ta, còn nói: “Thà ta phụ người làng, chứ quyết không phụ dư luận đời sau”⁽¹⁾.

Trong *Quốc chuy*, Đàm Thiên đã viết ra sự thực lịch sử mà Minh thực lục dấu đi, đó là việc Chu Nguyên Chương nhiều lần sát hại công thần, lập văn đế, cũng ghi lại như sự thực điều mà *Minh sử* được soạn dưới triều Thanh đã che dấu đi, đó là sự thực về tộc Nữ Chân ở Kiến Châu và tình hình bi thảm khi quân Thanh tràn vào nội địa, Hoàng Tông Hy rất tán thưởng những lời bàn luận sâu sắc, không che dấu cho bọn cường hào của thái học Đông Hán, rất tán thưởng Trần Đông và các thái học sinh cuối Bắc Tống trong *Minh Nho học án* đã biểu dương người của đảng Đông Lâm, kế thừa được

⁽¹⁾ *Tống sử*. Viên Xu truyện.

truyền thống chống nền chuyên chế phong kiến của sử học của Phạm Hoa. Vạn Tư Đông chống lại sự tùy tiện theo sở thích, chống xu phụ và dựng đứng cái không có, tự cho rằng mình viết *Minh sử cao* đã vừa thực lục vừa tham khảo chứng minh qua các bộ sử khác, “chưa dám nói là đáng tin cậy nhưng thật giả, điều đáng tin, điều oan uổng đều rõ ràng”⁽¹⁾. Triệu Dục viết *Nhị thập nhị sử hiệp kí* đã đả kích gay gắt sự mờ ám, xa xỉ, hủ bại tàn bạo, tham lam của chế độ chuyên chế phong kiến từ Tần Hán đến Minh.

Các nhà viết sử dám nói thẳng và quen viết thẳng nêu trên là những cây đại thụ đứng độc lập trong rừng sử. Để lưu lại tín sử (sử đáng tin cậy) cho đời sau, họ “thà làm lan nát, ngọc vụn còn hơn làm ngôi lành để được trường tồn”⁽²⁾. Tinh thần không sợ cường quyền, không a dua xu nịnh của họ còn thơm mãi với đời, đáng được kỉ niệm.

1.5. Kết hợp giữa đọc rộng và điều tra

Trên cơ sở chú thích chân thực của sử liệu, các sử gia cổ đại Trung Quốc cũng rất chú ý sự phong phú của nội dung sử liệu, có truyền thống quý báu là kết hợp giữa đọc rộng và điều tra.

Tư Mã Thiên từ nhỏ đã có thể nghiệm về đời sống dân gian học vấn gia đình rất sâu rộng, đến tuổi trưởng thành lại thụ giáo với các đại nho như Khổng An Quốc, Đổng Trọng Thư, nhờ vào chức vụ Thái sử lệnh mà được đọc sách trong “tủ vàng nhà đá”, lại đi du lịch nhiều nơi, hỏi han bạn

⁽¹⁾Vong Khê văn tập. *Vạn Quý Dã mộ biểu*.

⁽²⁾*Sử kí*. Trực thư.

bè, đọc văn ghi trên đồng và đá, thu thập đồng dao ngạ
ngữ, nhờ đó mà bao quát được “chuyện xưa còn lưu lại của
thiên hạ”⁽¹⁾. Ông biết dung hợp các tri thức của sách vở, tu
liệu với những điều tai nghe mắt thấy, nhờ đó mà viết nên
bộ *Sử kí* được Lỗ Tấn gọi là “lời hát tuyệt vời của các sử gia,
thiên *Li tao không văn*”⁽²⁾.

Lí Đạo Nguyên thời trẻ, cha đi làm quan đó đây, ông
theo cha cùng du ngoạn Sơn Đông, khi ra làm quan lại được
theo vua tuần du Trường Thành, Âm Sơn, khi làm thái thú
các nơi ở miền Bắc đều ham đọc và sưu tầm⁽³⁾, đã dẫn dụ 437
loại sách cổ, dung hợp văn hiến và sự khảo sát của mình, đọc
sách vạn quyển, du ngoạn vạn dặm, bởi thế cuốn *Thủy kinh
chú* của ông trở thành “cổ kim kì thư”.

Đỗ Hựu từng làm quan nhiều nơi, nhiều cấp, rồi tể
tướng ba triều vua “tinh thông đường quan... nhiều lần trông
coi việc thuế khoá”, hơn thế “thích đọc sách, cổ kim bao
quát”⁽⁴⁾, nhờ vậy mà vừa có kinh nghiệm cai quản cả chính trị
lẫn kinh tế, lại vừa có tri thức sách vở, tạo điều kiện để ông
viết *Thông điển* – bộ sách được xem là “thực học có ích”⁽⁵⁾.

Trịnh Tiêu Bĩ bỏ khoa cử, đoạn tuyệt với đời, 16 tuổi
dựng lều cỏ trong núi ở Tây Bắc Bồ Điền tỉnh Phúc Kiến, cắm
cúi đọc sách ba mươi năm. Ông vừa coi trọng tri thức sách vở,
vừa chú ý học tập tri thức khoa học tự nhiên, chủ trương tìm

(1) *Sử kí*. Thái sử công tự tự.

(2) *Hán văn học sử cương yếu*.

(3) Lí Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú nguyện thư*.

(4) *Đường thư*: Đỗ Hựu truyện.

(5) Tú khố toàn thư tổng mục. *Thông điển*.